**Đoạn 1:**

1. **Molly had been staring out of her window for about an hour now.**  
   *(Molly đã nhìn chằm chằm ra ngoài cửa sổ của cô ấy khoảng một tiếng đồng hồ rồi.)*
2. **On her desk, lying between the copies of *Nature*, *New Scientist*, and all the other scientific journals her work had appeared in, was a well thumbed copy of *On The Road*.**  
   *(Trên bàn làm việc của cô, nằm giữa các bản sao của Nature, New Scientist và tất cả các tạp chí khoa học khác mà công trình của cô từng xuất hiện, là một cuốn On The Road đã được giở tới giở lui nhiều lần.)*
3. **It had been Molly's favourite book since college, and the longer she spent in these four walls the more she felt she needed to be free.**  
   *(Đó là cuốn sách yêu thích của Molly từ hồi đại học, và càng ở lâu trong bốn bức tường này, cô càng cảm thấy mình cần được tự do.)*

**Đoạn 2:**

1. **She had spent the last ten years in this room, sitting under a poster with an Oscar Wilde quote proclaiming that "Work is the refuge of people who have nothing better to do".**  
   *(Cô đã dành mười năm qua trong căn phòng này, ngồi dưới một tấm poster với câu nói của Oscar Wilde tuyên bố rằng: "Công việc là nơi trú ẩn của những người không có việc gì tốt hơn để làm".)*
2. **Although many considered her pioneering work, unraveling the secrets of the llama DNA, to be an outstanding achievement, Molly did think she had something better to do.**  
   *(Dù nhiều người coi công trình tiên phong của cô — khám phá bí mật về DNA của loài lạc đà không bướu — là một thành tựu xuất sắc, Molly thực sự nghĩ rằng cô còn việc gì đó tốt hơn để làm.)*

Dưới đây là phần **giải thích chi tiết, cặn kẽ, chính xác lý do tại sao lại sử dụng các thẻ này mà không phải là các thẻ khác**. Từng thẻ được lựa chọn dựa trên **ý nghĩa ngữ nghĩa (semantic meaning)** trong HTML, giúp trình duyệt, công cụ tìm kiếm, và người dùng hiểu rõ hơn về nội dung.

**1. <h1>The Story in the Book</h1>**

* **Lý do sử dụng <h1>**: Thẻ <h1> đại diện cho **tiêu đề chính** (main heading) của toàn bộ nội dung trang. Ở đây, "The Story in the Book" là tiêu đề tổng quát, mang tính bao quát nội dung của toàn bộ tài liệu hoặc bài viết.
* **Không dùng các thẻ khác như <p> hay <div>** vì chúng không mang ý nghĩa tiêu đề.
* **Tại sao không phải là <h2>, <h3>...**? Vì đây là cấp tiêu đề cao nhất — cấp 1 (quan trọng nhất).

**2. <h2>Chapter 1</h2>**

* **Lý do sử dụng <h2>**: Đây là **tiêu đề cấp 2**, tức là một phần nhỏ nằm trong nội dung tổng thể của tiêu đề <h1>. "Chapter 1" là một chương trong "The Story in the Book".
* Nếu có nhiều chương, bạn sẽ dùng tiếp <h2> cho "Chapter 2", "Chapter 3" v.v., tạo cấu trúc rõ ràng.
* **Không dùng <h1>** vì chỉ nên có **một tiêu đề chính duy nhất** cho toàn bài (trừ khi cấu trúc nhiều phần rõ ràng hơn, như trong website lớn).

**3. <p>...</p>**

* **Lý do sử dụng <p>**: Thẻ <p> dùng để đánh dấu một **đoạn văn** (paragraph). Đây là thẻ chuẩn để chứa các khối văn bản tự nhiên.
* Đoạn đầu nói về Molly và những gì cô ấy đang làm, đoạn thứ hai tiếp tục miêu tả hoàn cảnh và suy nghĩ của cô.
* **Không dùng thẻ khác như <div>** vì <div> chỉ là thẻ khối không có ý nghĩa ngữ nghĩa, không thể hiện rõ nội dung là đoạn văn.

**4. <i>Nature</i>, <i>New Scientist</i>**

* **Lý do sử dụng <i>**: Thẻ <i> biểu thị nội dung cần được làm **nghiêng (italic)**, thường dùng để chỉ tên các **tạp chí**, **sách**, **tác phẩm nghệ thuật**, hoặc **các từ ngữ đặc biệt**.
* Ở đây, "Nature", "New Scientist" là tên tạp chí khoa học → in nghiêng là cách chuẩn để phân biệt.
* Có thể dùng <cite>, nhưng thường <cite> dùng cho trích dẫn có tính tham khảo chính thức hơn. <i> chỉ đơn giản để nhấn mạnh kiểu chữ.

**5. <cite>On The Road</cite>**

* **Lý do sử dụng <cite>**: Thẻ này dùng để đánh dấu **tên của một tác phẩm** được trích dẫn như sách, bài báo, bài thơ, bộ phim v.v. "On The Road" là tên một cuốn sách (tác phẩm nổi tiếng của Jack Kerouac).
* Đây là thẻ **có ngữ nghĩa rõ ràng** hơn <i>, vì nó không chỉ tạo kiểu chữ mà còn nói với trình duyệt/công cụ tìm kiếm rằng đây là **tên tác phẩm**.
* **Không dùng <i>** vì <cite> có nghĩa rõ ràng hơn trong ngữ cảnh này.

**6. <q>Work is the refuge of people who have nothing better to do</q>**

* **Lý do sử dụng <q>**: Thẻ <q> dùng để đánh dấu **một đoạn trích dẫn ngắn** nằm trong nội dung. Trình duyệt sẽ tự động thêm dấu ngoặc kép ("" hoặc ‘’) xung quanh nội dung.
* Đây là câu trích dẫn của Oscar Wilde → dùng <q> là đúng chuẩn ngữ nghĩa.
* **Không dùng dấu ngoặc kép thủ công** vì <q> giúp hỗ trợ cho trình đọc màn hình, máy tìm kiếm, và khả năng định dạng linh hoạt hơn.

**7. <abbr title="Deoxyribonucleic acid">DNA</abbr>**

* **Lý do sử dụng <abbr>**: Thẻ này dành cho các **từ viết tắt (abbreviation)** hoặc **từ ngắn gọn (acronym)**. Khi người dùng rê chuột vào từ "DNA", sẽ hiện phần mở rộng là "Deoxyribonucleic acid".
* Rất hữu ích để cung cấp thông tin đầy đủ mà không cần phải làm gián đoạn dòng chảy nội dung.
* **Không dùng <span> hoặc ghi chú bằng dấu ngoặc** vì <abbr> cung cấp cách chính thức và đúng ngữ nghĩa để hiển thị giải thích.

**8. <em>did</em>**

* **Lý do sử dụng <em>**: Thẻ này dùng để **nhấn mạnh từ hoặc cụm từ** (emphasis). Ở đây từ "did" được nhấn mạnh ngữ điệu, như nói rằng "Molly *thật sự* nghĩ mình có việc quan trọng hơn".
* Khi dùng <em>, trình đọc màn hình sẽ **nhấn mạnh đúng trọng âm** khi đọc nội dung.
* **Không dùng <i> ở đây**, vì <i> chỉ là kiểu dáng (in nghiêng), còn <em> mang ý nghĩa ngữ nghĩa (nhấn mạnh về mặt ý nghĩa, cảm xúc).

**Kết luận: Tại sao những thẻ này được chọn?**

* **HTML hiện đại khuyến khích viết theo ngữ nghĩa** (semantic HTML) — dùng đúng thẻ cho đúng mục đích.
* Những thẻ như <h1>, <p>, <em>, <cite>, <abbr>, <q> không chỉ là hình thức hiển thị mà còn giúp:
  + Trình đọc màn hình hiểu và đọc đúng cho người khiếm thị.
  + Công cụ tìm kiếm hiểu rõ nội dung hơn (SEO tốt hơn).
  + Bảo trì code dễ dàng, nhất quán.
  + Người khác đọc mã dễ hiểu hơn.